# BÀI 7: THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG

## THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT

## A. TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (5 câu)

**Câu 1:** Mạch lạc của văn bản là gì?

A. Là sự liền mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản.

B. Là việc đả thông kinh mạch của một văn bản.

C. Là sự hấp dẫn cần có của một văn bản.

D. Cả A và C.

**Câu 2:** Mạch lạc của văn bản chủ yếu dựa trên điều gì?

A. Sự vận động để điều hoà kinh mạch của văn bản một cách tốt nhất.

B. Cấu trúc ngôn từ và cấu trúc văn bản.

C. Sự thích ứng của các câu nối tiếp sau câu chủ đề, nhằm làm nổi bật tính thực tiễn trong văn bản.

D. Sự thống nhất về đề tài và sự tiếp nối theo một trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản.

**Câu 3:** Liên kết của văn bản là gì?

A. Là sự kết nối các tác nhân của hành động trong các mệnh đề của câu.

B. Là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản.

C. Sự uyển chuyển về mặt ngôn từ, có tác dụng gợi hình cho đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong một văn bản.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 4:** Liên kết của văn bản thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ nào?

A. Từ ngữ nối

B. Từ ngữ lặp lại

C. Từ ngữ thay thế

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 5:** Hãy phân tích tính mạch lạc của đoạn văn sau:

“Sáu giờ, trời hửng sáng. Cùng với những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của con cá thiết kình cũng phụt tắt. Tới bảy giờ, trời gần sáng rõ. Nhưng sương mù dày đặc đang trải ra ở chân trời, và dùng ống nhòm loại tốt nhất cũng chẳng thấy rõ vật gì. Có thể hình dung được chúng tôi thất vọng và giận dữ đến mức nào!”

A. Sự mạch lạc được thể hiện ra ở việc miêu tả các thứ theo trình tự thời gian; ở quan hệ nguyên nhân – kết quả (sương mù dày – sự thất vọng)

B. Sự mạch lạc được thể hiện ở cấu trúc ngôn từ của toàn đoạn văn: cùng, tới, nhưng, cũng,…

C. Sự mạch lạc được thể hiện qua các từ ngữ bóng bẩy nhưng mang hàm ý sâu sắc: hửng sáng, sáng rõ, chẳng thấy vật gì,…

D. Tất cả các đáp án trên.

### 2. THÔNG HIỂU (5 câu)

**Câu 1:** Hãy chỉ ra các phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn trích sau:

“Cách chiếc tàu chiến một hải lí rưỡi, có một vật dài màu đen nổi lên khỏi mặt nước độ một mét. Đuôi nó quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. Chưa ai thấy đuôi cá quẫy sóng mạnh như vậy bao giờ! Con cá lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh. Chiếc tàu tiến lại gần. Tôi bắt đầu ngắm kĩ con cá. Báo cáo của Helvetia và Shannon hơi cường điệu kích thước của nó. Theo tôi, con cá không dài quá tám mươi mét. Chiều ngang hơi khó xác định, nhưng tôi có cảm tưởng rằng nó cân đối một cách lạ lùng về cả ba chiều.”

A. Sử dụng đại từ “nó” và từ “con cá” để chỉ và thay thế cho “vật dài màu đen”. Các từ ngữ đó cũng được lặp lại ở nhiều câu.

B. Kết hợp sử dụng từ ngữ thay thế và suy nghĩ của tác giả để tạo nên sự liên kết trong đoạn trích.

C. Sử dụng các từ kết nối như: có, chưa ai thấy, theo tôi,…

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 2:** Đọc đoạn trích ở câu 1 phần Thông hiểu. Chức năng của các phương tiện liên kết ấy là gì?

A. Đảm bảo sự kết nối về hình thức và nội dung giữa các câu trong đoạn văn.

B. Đảm bảo sự kết nối về hình thức giữa các câu trong đoạn văn.

C. Đảm bảo sự hài hoà về bố cục và ngôn từ trong đoạn văn.

D. Cả A và C.

**Câu 3:** Có thể sắp xếp các câu trong đoạn văn dưới đây theo một trật tự khác được không?

“(1) Nhưng con cá cũng bơi với tốc độ y như vậy! (2) Trong suốt một giờ, chiếc tàu chiến không tiến gần thêm được một sải! (3) Thật là nhục nhã cho một trong những chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ! (4) Anh em thuỷ thủ tức giận điên người. (5) Họ nguyền rủa quái vật, nhưng nó vẫn phớt lờ.”

A. Có. Có thể đưa câu (3) lên đầu để tạo sắc thái biểu cảm mạnh mẽ, gây ấn tượng cho người đọc.

B. Có. Các câu văn đều hướng tới một ý nghĩa, một mục tiêu chung và có nội dung tương đồng nên có thể sắp xếp lại các câu một cách thoải mái.

C. Không. Vì câu (1) có sự liên kết với đoạn văn trước đó và là một câu chủ đề nên không thể xếp câu (1) vào chỗ khác; còn những câu còn lại nếu sắp xếp lại thì sẽ không đảm bảo trình tự sự việc.

D. Không. Vì đoạn văn đã được viết bởi một nhà văn hàng đầu thế giới nên mọi câu, mọi ý đều chặt chẽ, không thể đảo lộn được.

**Câu 4:** Chỉ ra các phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn văn sau:

“Hôm thứ Năm tuần trước, tôi có trình bày với vài người trong số quý vị những nguyên lí của Cỗ máy Thời gian, và đã cho các vị ấy thấy chính nó lúc chưa được hoàn thiện. Hiện giờ nó vẫn ở đó nhưng đã bị hỏng hóc chút đỉnh sau chuyến đi… Đúng mười giờ sáng nay, Cỗ máy Thời gian đầu tiên đã bắt đầu đời hoạt động của nó. Tôi gắn cho nó cái ren cuối cùng, siết lại tất cả đinh ốc, nhỏ thêm một giọt dầu lên thanh thạch anh, rồi ngồi lên yên.”

A. Các từ “hôm thứ, tuần trước, hiện giờ”.

B. Đại từ “nó”. Cụm từ “Cỗ máy thời gian” và từ “nó” được lặp lại vài lần.

C. Các từ đánh dấu kết thúc của câu, liên kết với câu kế tiếp

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 5:** Tính mạch lạc thể hiện như thế nào trong đoạn văn sau:

“Khi tôi lao đi, đêm nối tiếp ngày như nhịp vỗ của một đôi cánh đen. Tôi dường như chẳng còn thấy khung cảnh nhoè nhoẹt của phòng thí nghiệm, và tôi nhìn thấy mặt trời nhảy vọt rất nhanh ngang bầu trời, mỗi cú là một phút, và mỗi phút đánh dấu một ngày. Tôi đoán là phòng thí nghiệm đã bị phú huỷ và tôi ở ngoài trời. [...] Tối và sáng nối tiếp nhau chỉ trong tích tắc khiến mắt tôi đau đớn cực độ. Thế rồi, giữa những màn đêm cách quảng nối đuôi nhau, tôi thấy mặt trăng di chuyển rất nhanh qua các tuần trăng, từ trăng non tới trăng rằm, và thấp thoáng thấy bóng dáng những vì sao.”

A. Sự việc diễn ra theo chiều thời gian tuyến tính và nguyên tắc nhân quả. Không gian từ trong ra ngoài.

B. Đoạn văn giàu trí tưởng tượng, thể hiện một cách phong phú không gian phòng thí nghiệm.

C. Sự việc theo chiều suy nghĩ hợp lí.

D. Tất cả các đáp án trên.

### 3. VẬN DỤNG (4 câu)

**Câu 1:** Chỉ ra các phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn văn sau:

“(1) Thiên hà khổng lồ NGK 4565 trong chòm Tóc Vê-rô-nhi-ca nom rất đẹp. (2) Ở xa bảy triệu pác-xếc, có thể nhìn thấy rìa của nó. (3) Thiên hà nghiêng về một phía như con chim đang lượn. (4) Nó trải rộng về mọi hướng, nom như cái đĩa mảnh và rõ ràng là cấu tạo bởi những nhánh hình xoáy ốc. (5) Còn ở trung tâm, cái nhân hình cầu rất bẹt cháy rực, nom như một khối sáng dày đặc. (6) Ta thấy rõ rệt là những đảo sao dẹt như thế nào: có thể so sánh thiên hà với cái bánh xe mỏng của bộ máy đồng hồ. (7) Rìa bánh xe nom không rõ, dường như hoà tan vào bóng tối không đáy của không gian.”

A. Cấu trúc bảy câu trong một đoạn văn.

B. Đại từ “nó” và nhiều từ ngữ được lặp lại.

C. Các động từ: nghiêng, trải rộng, cháy rực,…

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 2:** Nhận xét về tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn dưới đây:

“Biển nói chung là một vùng nước mặn rộng lớn nối liền với các đại dương, hoặc là các hồ lớn chứa nước mặn mà không có đường thông ra đại dương một cách tự nhiên như biển Caspi, biển Chết. Thuật ngữ này đôi khi cũng được sử dụng với một số hồ nước ngọt khép kín hoặc có đường thông tự nhiên ra biển cả như biển Galilee ở Israel là một hồ nước ngọt nhỏ không có đường thông tự nhiên ra đại dương hay Biển Hồ ở Campuchia. Thuật ngữ này được sử dụng trong đời sống thông thường như một từ đồng nghĩa với đại dương, như trong các câu biển nhiệt đới hay đi ra bờ biển, hoặc cụm từ nước biển là chỉ một cách rõ nét tới các vùng nước của đại dương nói chung.”

A. Đoạn văn đã đảm bảo được tính mạch lạc và sự liên kết.

B. Đoạn văn ẩn chứa những yếu tố mạch lạc và liên kết ẩn.

C. Đoạn văn thiếu sự mạch lạc mặc dù đảm bảo được tính liên kết.

D. Đoạn văn chưa phù hợp với phong cách Trung học.

**Câu 3:** Nhận xét về tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn dưới đây:

“Thực phẩm, còm gọi là thức ăn, là bất kỳ vật phẩm nào, bao gồm chủ yếu các chất: chất bột (cacbohydrat), chất béo (lipid), chất đạm (protein), khoáng chất, hoặc nước, mà con người hay động vật có thể ăn hay uống được, với mục đích cơ bản là thu nạp các chất dinh dưỡng nhằm nuôi dưỡng cơ thể hay vì sở thích.[1] Các thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật, thực phẩm có nguồn gốc động vật, vi sinh vật hay các sản phẩm chế biến từ phương pháp lên men như rượu, bia.”

A. Đoạn văn thiếu tính mạch lạc do các câu sau không hỗ trợ cho chủ đề.

B. Đoạn văn không đảm bảo sự liên kết giữa các câu do không có những từ ngữ lặp lại.

C. Đoạn văn đã đảm bảo tương đối tính mạch lạc và liên kết.

D. Một nhận xét khác.

**Câu 4:** Câu nào sau đây là đúng?

A. Mạch lạc và liên kết là yếu tố thứ yếu trong xây dựng đoạn văn, bài văn.

B. Một đoạn văn cần phải mạch lạc và có sự liên kết để giúp người đọc hình dung rõ được vấn đề.

C. Tính mạch lạc được thể hiện thông qua cấu trúc ngôn từ, phạm vi ảnh hưởng của các từ ngữ được sử dụng.

D. Tính liên kết bàn về độ lỏng lẻo của một kết cấu đoạn văn.

### 4. VẬN DỤNG CAO (1 câu)

**Câu 1:** Nhận xét về tính mạch lạc và liên kết trong đoạn văn dưới đây:

“Bảo vệ môi trường rất quan trọng trong giai đoạn hiện nay. Ta có thể thấy rằng chẳng phải ai cũng muốn tham gia bảo vệ động vật hoang dã. Điều đó là khó khỏi phải bàn. Cái câu chuyện chặt phá rừng từ thời nguyên thuỷ đến nay vẫn còn những thứ cần bàn luận. Tốt hơn hết là ai trong số chúng ta cũng cần bảo vệ môi trường.”

A. Đoạn văn thiếu tính mạch lạc do các câu sau không hỗ trợ cho chủ đề và không có sự liên kết chặt chẽ.

B. Đoạn văn thiếu tính mạch lạc và liên kết do đã loại bỏ đi các động từ chỉ sự di chuyển và đánh giá.

C. Đoạn văn có tính mạch lạc và liên kết cao thông qua kết cấu phân tầng.

D. Đoạn văn không mạch lạc và liên kết đối với những người không có chuyên môn.

## B. ĐÁP ÁN

**1. NHẬN BIẾT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 2. D | 3. B | 4. D | 5. A |

**2. THÔNG HIỂU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 2. B | 3. C | 4. B | 5. A |

**3. VẬN DỤNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. B | 2. A | 3. C | 4. B |  |

**4. VẬN DỤNG CAO**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A |  |  |  |  |